

A large satellite-style image of the Earth, showing the Western Pacific region, including Southeast Asia and the Philippines. The image is centered on the globe, with a white text box overlaid in the middle.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-36



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 07 ngày 23/04/2020.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có 08 công ty con, 03 công ty liên kết, chi tiết như sau:

	Tên đơn vị	Địa chỉ
	<i>Công ty con</i>	
-	<i>Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc</i>	<i>Khu Đồi Gộc, thôn Nội, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam</i>
-	<i>Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước</i>	<i>Khu 7, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước</i>
-	<i>Công ty cổ phần công nghệ CRC</i>	<i>Số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội</i>
-	<i>Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam</i>	<i>Tầng 2, BT4.2, Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội</i>
-	<i>Công ty cổ phần CRC Power</i>	<i>Tầng 3, số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội</i>
-	<i>Công ty cổ phần Nhật Nguyên Xanh Solar</i>	<i>Tầng 3, BT4.2, Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội</i>
-	<i>Công ty cổ phần CRC Invest</i>	<i>Tầng 2, số 1-BT3 Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội</i>
-	<i>Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC</i>	<i>BT4.2 Khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội</i>
	<i>Công ty liên kết</i>	
-	<i>Công ty TNHH Sunpower Group Việt Nam</i>	<i>Số 23, BT3 KĐT Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội</i>
-	<i>Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco</i>	<i>Khu 8, xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.</i>
-	<i>Công ty TNHH Trường Sơn</i>	<i>Xóm Khang Đình, xã Yên Mông, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.</i>

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty bao gồm: *Bán hàng hóa, thành phẩm (mủ cao su, hạt điều, pin...); cho thuê tài sản.*

Công ty có trụ sở tại số 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|----------------------------|--|
| - Ông Mai Anh Tám | Chủ tịch Hội đồng quản trị | |
| - Bà Dương Thị Huyền | Ủy viên Hội đồng quản trị | |
| - Ông Hoàng Trung Kiên | Ủy viên Hội đồng quản trị | |
| - Ông Nguyễn Lâm Tùng | Ủy viên Hội đồng quản trị | |
| - Ông Lê Thành Nhân | Ủy viên Hội đồng quản trị | Từ ngày 27/06/2020 |
| - Ông Đặng Việt Phương | Ủy viên Hội đồng quản trị | Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 27/06/2020 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|----------------------|-------------------|--|
| - Ông Mai Anh Tám | Tổng Giám đốc | Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 08/07/2020 |
| - Bà Dương Thị Huyền | Tổng Giám đốc | Từ ngày 08/07/2020 |
| - Bà Dương Thị Huyền | Phó Tổng Giám đốc | Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 08/07/2020 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| - Bà Phạm Thị Huệ | Trưởng ban | |
| - Ông Nguyễn Tuấn Linh | Thành viên | Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 27/06/2020 |
| - Bà Hà Thị Hiền | Thành viên | |
| - Ông Nguyễn Văn Nhu | Thành viên | Từ ngày 27/06/2020 |

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



DƯƠNG THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc



Số: 55/2020/BCSX-CPAMB1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 29/08/2020 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM -**CHI NHÁNH MIỀN BẮC****NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN****Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		248.407.214.906	295.875.254.223
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.836.969.719	9.309.485.304
1. Tiền	111		10.836.969.719	9.309.485.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.065.000.000	33.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	6.065.000.000	33.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.080.459.638	157.788.708.134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	30.474.437.169	68.195.324.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.6	82.993.858.895	38.817.276.590
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.11.1	6.650.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.10	13.055.140.404	50.869.084.164
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(92.976.830)	(92.976.830)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	98.215.179.280	94.367.791.148
1. Hàng tồn kho	141		98.215.179.280	94.367.791.148
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		209.606.269	1.409.269.637
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.1	11.523.636	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		198.082.633	1.409.269.637
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.244.103.719	101.608.600.631
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		400.000.000	400.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11.2	400.000.000	400.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		837.783.264	961.232.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	837.783.264	961.232.358
- Nguyên giá	222		1.598.843.637	1.598.843.637
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(761.060.373)	(637.611.279)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	123.994.172.000	100.219.172.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		55.374.172.000	31.624.172.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.525.000.000	59.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.625.000.000	6.625.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		2.470.000.000	2.470.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.148.455	28.196.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5.2	12.148.455	28.196.273
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		373.651.318.625	397.483.854.854

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		198.081.408.264	222.603.525.036
I. Nợ ngắn hạn	310		198.081.408.264	222.603.525.036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	13.000.437.698	47.401.551.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	27.620.690.247	3.469.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.023.288.020	366.185.052
4. Phải trả người lao động	314		39.166.391	38.897.862
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.221.688.561	3.233.344.782
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	356.693.351	10.159.660.197
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	152.819.443.996	157.934.885.714
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175.569.910.361	174.880.329.818
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	175.569.910.361	174.880.329.818
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.645.604.925	10.645.604.925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.924.305.436	14.234.724.893
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.168.135.627	8.119.827.732
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		756.169.809	6.114.897.161
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		373.651.318.625	397.483.854.854

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020



NGUYỄN THỊ THÚY NGA
Người lập



VŨ THỊ THỦY
Kế toán trưởng



DƯƠNG THỊ HUYỀN
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	123.536.318.126	128.187.784.934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20	123.536.318.126	128.187.784.934
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	118.847.545.883	121.601.525.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.688.772.243	6.586.258.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	692.297.892	5.138.754.479
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	3.313.316.042	4.532.734.210
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.088.740.323	4.223.077.729
8. Chi phí bán hàng	25	VI.25	370.605.750	940.816.784
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.24	749.635.723	929.178.204
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		947.512.620	5.322.284.279
11. Thu nhập khác	31	VI.26	2.344.000	2.132
12. Chi phí khác	32	VI.26	4.644.359	152.204.052
13. Lợi nhuận khác	40		(2.300.359)	(152.201.920)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		945.212.261	5.170.082.359
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.28	189.042.452	722.552.176
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		756.169.809	4.447.530.183

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020



NGUYỄN THỊ THÚY NGA
Người lập



VŨ THỊ THỦY
Kế toán trưởng



DƯƠNG THỊ HUYỀN
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	945.212.261	5.170.082.359
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	123.449.094	176.922.198
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	208.902.351	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(359.841.199)	(5.082.369.769)
- Chi phí lãi vay	06	3.088.740.323	4.223.077.729
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	4.006.462.830	4.487.712.517
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.507.814.875	(7.916.215.263)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.847.388.132)	(41.081.266.496)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.299.900.551)	5.420.592.089
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.524.182	(1.459.518)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.100.396.544)	(3.854.736.678)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(200.000.000)	(2.239.381.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.071.116.660	(45.184.754.551)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.715.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	27.000.000.000	24.117.226.849
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23.775.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	16.212.680.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	197.874.235	3.812.541.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.920.554.235	21.929.768.276
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	183.322.224.716	163.986.927.996
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(188.635.661.196)	(152.729.761.269)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.150.750.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.464.186.480)	11.257.166.727
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	1.527.484.415	(11.997.819.548)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.309.485.304	19.153.635.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.836.969.719	7.155.815.628

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

A

NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ
Người lậpVŨ THỊ THỦY
Kế toán trưởngDUYÊN THỊ HUYỀN
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 lần đầu ngày 29/12/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 07 ngày 23/04/2020.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có 08 công ty con, 03 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Chi tiết	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD		Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2020		
	Vốn điều lệ theo GCNĐKKD	Tỷ lệ vốn theo ĐKKD (%)	Vốn góp thực tế tại Công ty LD, LK, công ty con	Giá trị vốn góp của Công ty	Tỷ lệ vốn góp thực tế (%)
Công ty con					
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	30.000.000.000	98%	30.000.000.000	29.400.000.000	98%
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	10.000.000.000	95%	180.000.000	180.000.000	100%
Công ty cổ phần công nghệ CRC	25.000.000.000	95%	23.800.000.000	23.750.000.000	99,79%
Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	5.000.000.000	93,1%	4.850.000.000	4.850.000.000	99,79%
Công ty cổ phần CRC Power	10.000.000.000	93,1%	3.090.000.000	3.090.000.000	99,79%
Công ty cổ phần Nhật Nguyên Xanh Solar	5.000.000.000	93,1%	-	-	-
Công ty cổ phần CRC Invest	10.000.000.000	93,1%	5.250.000.000	5.250.000.000	99,79%
Công ty cổ phần liên doanh phát triển năng lượng CRC	30.000.000.000	55%	-	-	-
Công ty liên kết					
Công ty TNHH Sunpower Group Việt Nam	10.000.000.000	45%	1.325.000.000	25.000.000	1,9%
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	60.000.000.000	49%	61.130.000.000	29.400.000.000	48,09%
Công ty TNHH Trường Sơn	40.000.000.000	45%	40.000.000.000	18.000.000.000	45%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than non; Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Hoạt động tư vấn quản lý; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét.

Công ty có trụ sở tại 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tại thời điểm 30/06/2020, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 18 người, trong đó có 3 người là cán bộ quản lý.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: (Tiếp theo)

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản Vốn bằng tiền, Các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)****+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:**

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: Khoản nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, Các khoản phải trả, Khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản phải thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch với đối tượng đó.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:

- + Đối với các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay gốc ngoại tệ là USD được quy đổi theo tỷ giá mua vào và tỷ giá bán ra của Ngân hàng đơn vị mở tài khoản hoặc phát sinh khoản vay.
- + Đối với các khoản công nợ phải thu được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 23.140 đồng/USD.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản ủy thác và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: *Kê khai thường xuyên.*

Phương pháp xác định giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm: *Bình quân gia quyền.*

Phương pháp xác định giá gốc của mù cao su nguyên liệu: *Đích danh*

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng nhà máy gạch ngói chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ niêm yết được phân bổ trong thời gian 12 tháng

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời hạn từ 24 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm

Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Đến thời điểm thực chi, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phân chênh lệch với số đã trích (nếu có). Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ tài chính là trích trước chi phí dịch vụ gia công mù cao su, chi phí lãi vay.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa (mủ cao su, hạt điều, pin...) được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp đã xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ. Lỗ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các phí kiểm nghiệm, xếp dỡ, vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa, thành phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản...*); chi phí bằng tiền khác (*tiếp khách ...*).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

ThuếThuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt tại quỹ (i)	2.270.679.662	5.020.364.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	3.723.462.557	4.289.121.270
Tiền đang chuyển	4.842.827.500	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	10.836.969.719	9.309.485.304

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2020 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	2.270.679.662
Cộng	2.270.679.662

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2020 bao gồm:

	USD	VND
Tiền gửi VND		3.308.529.262
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thăng Long		1.378.748
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		1.874.357
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch		2.427.080
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ		268.807
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà		6.295.071
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình		3.285.847.016
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		7.944.821
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thăng Long		654.005
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công		1.839.357
Tiền gửi USD		414.933.295
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	268,87	6.213.585
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Tây Hồ	286,75	6.632.527
+ Ngân hàng NN & PTNNVN - Chi nhánh Hồng Hà	16.277,00	376.424.732
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	230,23	5.366.409
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	612,31	14.151.093
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công	265,90	6.144.949
Cộng	17.941,06	3.723.462.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****2. Đầu tư tài chính ngắn hạn****2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền gửi của các cá nhân theo sự ủy thác của công ty (i)	6.065.000.000	33.000.000.000
Ông Nguyễn Việt Giáp - CD Công ty (ii)	6.065.000.000	19.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	-	14.000.000.000
Cộng	6.065.000.000	33.000.000.000

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2903/NQ/HĐQT/2017 ngày 29/03/2017 ủy quyền cho các cá nhân gửi tiết kiệm và thế chấp các khoản tiết kiệm này để đảm bảo các khoản vay của Công ty.

(ii) Khoản ủy thác cho Ông Nguyễn Việt Giáp với số tiền 6.065.000.000 đồng được sử dụng để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

3. Phải thu khách hàng**3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH TM Cao su An Bình	3.417.750.000	1.587.050.000
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	7.368.108.300	48.706.831.890
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	5.343.284.033	2.922.253.910
Công ty TNHH BG Solar	5.227.200.000	-
Công ty TNHH Đầu Tư và TMDV Hoàng Minh BG	6.771.137.326	-
Các đối tượng khác	2.346.957.510	14.979.188.410
Cộng	30.474.437.169	68.195.324.210

3.2 Phải thu khách hàng với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

4. Nợ xấu

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Nợ phải thu khó đòi</i>				
Công ty CP Vật liệu nhẹ Thăng Long	92.976.830	-	92.976.830	-
Cộng	92.976.830	-	92.976.830	-

5. Chi phí trả trước**5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Công cụ dụng cụ	1.523.636	-
Chi phí trả trước khác	10.000.000	-
Cộng	11.523.636	-

5.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công cụ dụng cụ	12.148.455	28.196.273
Cộng	12.148.455	28.196.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****6. Trả trước cho người bán****6.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Ông Nguyễn Văn Đăng (*)	7.651.682.694	10.651.682.694
Ông Phạm Văn Lộc (*)	13.474.616.238	13.879.274.476
Ông Nguyễn Thế Xuân (*)	5.250.000.000	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản GHT	36.886.206.200	-
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhật Minh Xanh	7.532.805.940	1.804.599.740
Các đối tượng khác	12.198.547.823	12.481.719.680
Cộng	82.993.858.895	38.817.276.590

(*): Theo hợp đồng mua mù cao su với các cá nhân, Công ty sẽ phải thanh toán trước 90% giá trị lô hàng ngay sau khi thống nhất đơn giá mua bán.

6.2 Trả trước người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

7. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.291.240.413	-	36.885.737.329	-
Chi phí SXKD dở dang	191.889.597	-	8.073.748.565	-
Thành phẩm	10.736.773.850	-	12.288.277.658	-
Hàng hoá	49.995.275.420	-	37.120.027.596	-
Cộng	98.215.179.280	-	94.367.791.148	-

Chi tiết hàng tồn kho của Công ty đang được gửi tại kho của các công ty khác như sau:

Tên công ty	Loại hàng gửi	30/06/2020		01/01/2020	
Công ty cổ phần sản xuất và cung ứng VLXD Kontum	Mù cao su, cao su thành phẩm	4.868.263	-	479.861.399	-
Công ty TNHH Giấy An Lộc	Mù cao su, cao su thành phẩm	50.177.188.841	-	56.136.359.342	-
Ông Nguyễn Văn Đăng	Mù cao su	16.457.655.850	-	16.457.655.850	-
Công ty cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thành Nam	Nhân điều	23.413.838.938	-	8.680.276.278	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****8. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2020		01/01/2020			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	55.374.172.000	-	55.374.172.000	31.624.172.000	-	31.624.172.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	59.525.000.000	-	59.525.000.000	59.500.000.000	-	59.500.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	6.625.000.000	-	6.625.000.000	6.625.000.000	-	6.625.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.470.000.000	-	2.470.000.000	2.470.000.000	-	2.470.000.000
Cộng	123.994.172.000	-	123.994.172.000	100.219.172.000	-	100.219.172.000

8.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	30/06/2020		01/01/2020			
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị
Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu CRC Bình Phước	Nông sản		95%	180.000.000		95%	180.000.000
Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Gạch ngói	2.940.000	98%	31.444.172.000	2.940.000	98%	31.444.172.000
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	Công nghệ	2.375.000	95%	23.750.000.000	-	-	-
Cộng				55.374.172.000			31.624.172.000

8.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	30/06/2020		01/01/2020			
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu theo ĐKKD	Giá trị
Công ty cổ phần Gốm sứ Haceco	Gốm sứ	2.940.000	48%	41.500.000.000	2.940.000	48%	41.500.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Gạch ngói		45%	18.000.000.000		45%	18.000.000.000
Công ty TNHH Sunpower Group Việt Nam	Công nghệ		45%	25.000.000		-	-
Cộng				59.525.000.000			59.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****8. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)****8.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	30/06/2020		01/01/2020			
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Gốm sứ		17,43%	6.625.000.000		17,43%	6.625.000.000
Cộng				6.625.000.000			6.625.000.000
8.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn							
Trái phiếu Ngân hàng NN & PTNNVN (*)					30/06/2020		01/01/2020
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)					500.000.000		500.000.000
Cộng					1.970.000.000		1.970.000.000
					2.470.000.000		2.470.000.000

(*) Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi

(**) Số lượng 197 trái phiếu với giá mua 1.970.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 7 năm (từ 19/12/2018 đến 19/12/2025), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2020	-	293.636.364	1.305.207.273	-	-	1.598.843.637
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	293.636.364	1.305.207.273	-	-	1.598.843.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2020	-	70.251.719	567.359.560	-	-	637.611.279
Khấu hao trong kỳ	-	14.681.820	108.767.274	-	-	123.449.094
Hao mòn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	-	84.933.539	676.126.834	-	-	761.060.373
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	-	223.384.645	737.847.713	-	-	961.232.358
Tại ngày 30/06/2020	-	208.702.825	629.080.439	-	-	837.783.264

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: - đồng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng: - đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố cho vay: 629.080.439 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****10. Các khoản phải thu khác****10.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
<i>Tạm ứng</i>	11.945.413.200	6.953.807.200
Ông Lê Quang Thạch	-	6.168.547.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	3.100.000.000	-
Ông Đỗ Văn Quyết	2.000.000.000	-
Ông Vũ Ngọc Tuynh	3.168.547.000	-
Bà Lê Phương Huyền	3.000.000.000	-
Các đối tượng khác	676.866.200	785.260.200
<i>Phải thu khác</i>	1.109.727.204	43.915.276.964
Công ty cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thành Nam	-	27.104.836.724
Phải thu lãi tiền gửi hợp đồng ủy thác và lãi trái phiếu	394.752.422	232.785.458
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	16.212.680.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	714.974.782	364.974.782
Cộng	13.055.140.404	50.869.084.164

11. Phải thu về cho vay**11.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Ông Đặng Văn Hậu (i)	6.650.000.000	-
Cộng	6.650.000.000	-

11.2 Phải thu về cho vay dài hạn

Công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng Lượng môi trường Đại Phát (ii)	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

- (i) Khoản cho vay theo Hợp đồng vay 03-6/HDV-CRC ngày 30/06/2020 với lãi suất 7%/năm và kỳ hạn cho vay 6 tháng từ ngày 30/06/2020 đến ngày 31/12/2020.
- (ii) Theo thỏa thuận ngày 26/07/2017, Công ty hợp tác với công ty TNHH Kỹ thuật CK Năng lượng môi trường Đại Phát để thực hiện dự án "Cấp nhiệt cho hệ thống sấy cao su thay thế nhiên liệu dầu DO tại nhà máy chế biến cao su Hiệp Hưng tại xã Kon Đào, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****12. Phải trả người bán****12.1. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giấy An Lộc	2.870.850.216	2.870.850.216	-	-
Công ty cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu Thành Nam	4.880.970.601	4.880.970.601	28.399.207.976	28.399.207.976
Công ty TNHH Đầu tư thương mại XNK Huy Anh	770.550.275	770.550.275	-	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	424.305.000	424.305.000	7.737.364.775	7.737.364.775
Công ty TNHH Việt Hương	1.095.488.561	1.095.488.561	-	-
Các đối tượng khác	2.958.273.045	2.958.273.045	11.264.978.678	11.264.978.678
Cộng	13.000.437.698	13.000.437.698	47.401.551.429	47.401.551.429

12.2. Phải trả người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

13. Người mua trả tiền trước**13.1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2019
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển công nghệ năng lượng GTH	2.504.511.900	-
Công ty TNHH MTV Hồng Khanh	5.676.242.919	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Sun Solar	7.930.511.900	-
Công ty TNHH Việt Hương	7.850.000.000	-
Công ty cổ phần CRC SOLAR CELL	924.423.528	-
Công ty CP Thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh	-	1.862.000.000
Các đối tượng khác	2.735.000.000	1.607.000.000
Cộng	27.620.690.247	3.469.000.000

13.2. Người mua trả tiền trước với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

14. Chi phí phải trả**14.1. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2019
Chi phí gia công mù cao su	3.120.168.600	3.120.168.600
Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	101.519.961	113.176.182
Cộng	3.221.688.561	3.233.344.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****15.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2020
Thuế giá trị gia tăng	-	62.540.730	62.540.730	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	366.185.052	224.555.468	200.000.000	390.740.520
Thuế thu nhập cá nhân	-	632.547.500	-	632.547.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	366.185.052	2.286.207.437	1.629.104.469	1.023.288.020

16. Phải trả khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Bảo hiểm xã hội	1.205.997	1.205.997	-	-
- Bảo hiểm y tế	212.823	212.823	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	94.588	94.588	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	322.179.943	322.179.943	10.126.660.197	10.126.660.197
+ Công ty CP Sản xuất cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	-	-	459.460.397	459.460.397
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả	-	-	9.325.760.000	9.325.760.000
+ Phải trả khác	322.179.943	322.179.943	341.439.800	341.439.800
- Nhận ký quỹ	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
+ Công ty TNHH XNK ITALIA Lưu Kim	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
Cộng	356.693.351	356.693.351	10.159.660.197	10.159.660.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****17. Vay và nợ thuê tài chính**Các khoản vay

	Phát sinh trong kỳ				Số có khả năng trả nợ
	01/01/2020	Tăng	Giảm	Giá trị	
Vay ngắn hạn					
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình	157.934.885.714	183.520.219.478	188.635.661.196	152.819.443.996	152.819.443.996
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà	79.497.984.315	108.752.597.141	113.817.690.579	74.432.890.877	74.432.890.877
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	50.051.085.515	40.186.933.319	40.194.337.715	50.043.681.119	50.043.681.119
Cộng	28.385.815.884	34.580.689.018	34.623.632.902	28.342.872.000	28.342.872.000
	157.934.885.714	183.520.219.478	188.635.661.196	152.819.443.996	152.819.443.996

17.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Bên cho vay	Hợp đồng vay/khoản vay	Số dư cuối năm	Nguyên tệ	Lãi suất (năm)
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà	Hợp đồng tín dụng số 1260-LAV-201900313 ngày 13/08/2019	50.043.681.119		9,5%
	- Vay tiền VNĐ	9.250.000.000	9.250.000.000	
	- Vay tiền USD	40.793.681.119	1.752.306	4,2%

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của của Hợp đồng tín dụng số 1260-LAV-201900313 ngày 13/08/2019 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc
- Xe ô tô Ford Ranger, Biển kiểm soát 29C - 737.42; Xe ô tô Toyota Yaris, Biển kiểm soát 29C - 30F 335.16

Bên cho vay	Hợp đồng vay/khoản vay	Số dư cuối năm	Nguyên tệ	Lãi suất (năm)
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/8353501 ngày 15/06/2020	74.432.890.877		
	- Vay tiền VNĐ	66.972.497.539	66.972.497.539	6,6% đến 7,5%
	- Vay tiền USD	7.460.393.338	320.257	4%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****17. Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)****17.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/8353501 ngày 15/06/2020 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại Lô đất số BT3.1 khu chức năng đô thị Tây Mỗ thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm
- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở có địa chỉ tại số 26D ngõ 12 Đặng Thai Mai thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm
- 197 trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng mệnh giá 1.970.000.000
- 750.000 Cổ phiếu của Công ty CP Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm

Bên cho vay	Hợp đồng vay/khoản vay	Số dư cuối năm	Nguyên tệ	Lãi suất
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019-HDCVHM/NHCT127-CRC ngày 16/07/2019 - Vay tiền VND	28.342.872.000		
		28.342.872.000	28.342.872.000	7,2%

Các tài sản được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HDCVHM/NHCT127-CRC ngày 16/07/2019 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BY 045357 của Ông Mai Anh Tâm và bà Trần Thị Thu Hiền
- Các sổ tiết kiệm với số tiền 6.065.000.000 đồng của Ông Nguyễn Viết Giáp do Công ty ủy thác gửi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	-	-	-	10.645.604.925	15.875.418.409	176.521.023.334
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.114.897.161	6.114.897.161
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(255.590.677)	(255.590.677)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	150.000.000.000	-	-	-	10.645.604.925	14.234.724.893	174.880.329.818
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	756.169.809	756.169.809
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(66.589.266)	(66.589.266)
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	150.000.000.000	-	-	-	10.645.604.925	14.924.305.436	175.569.910.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2020			01/01/2020		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu	Tổng số	Cổ phiếu thường	CP ưu đãi
Ông Mai Anh Tâm	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Các cổ đông khác	135.000.000.000	135.000.000.000	-	135.000.000.000	135.000.000.000	-
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000	-	150.000.000.000	150.000.000.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7.500.000.000

Cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

19. Các khoản mục ngoại bảng**a/ Ngoại tệ các loại**

	30/06/2020	01/01/2020
Dollar Mỹ (USD)	17.941,06	10.888,44

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.536.318.126	128.187.784.934
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	98.319.490.915	85.165.565.498
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	14.186.575.872	42.804.037.620
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	10.835.524.066	-
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	194.727.273	218.181.816
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.536.318.126	128.187.784.934
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	98.319.490.915	85.165.565.498
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	14.186.575.872	42.804.037.620
<i>Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng</i>	10.835.524.066	-
<i>Doanh thu thuần cho thuê tài sản</i>	194.727.273	218.181.816

21. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Giá vốn của hàng hóa đã bán	97.351.182.236	84.217.354.886
Giá vốn của thành phẩm đã bán	13.462.617.535	37.356.898.320
Giá vốn hợp đồng xây dựng	8.006.473.382	-
Giá vốn cho thuê tài sản	27.272.730	27.272.730
Cộng	118.847.545.883	121.601.525.936

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Lãi tiền gửi ngân hàng và ủy thác đầu tư	359.841.199	1.128.142.282
Cổ tức được chia	-	2.454.227.487
Lãi chênh lệch tỷ giá	93.561.234	56.384.710
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	1.500.000.000
Doanh thu tài chính khác	238.895.459	-
Cộng	692.297.892	5.138.754.479

23. Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Chi phí lãi vay	3.088.740.323	4.223.077.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.673.368	15.366.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	208.902.351	294.289.546
Cộng	3.313.316.042	4.532.734.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	276.402.388	291.587.983
- Chi phí công cụ quản lý	24.524.182	14.899.953
- Chi phí khấu hao TSCĐ	108.767.274	162.240.378
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	13.318.259
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.643.438	438.088.450
- Chi phí khác bằng tiền	5.298.441	9.043.181
Cộng	749.635.723	929.178.204

25. Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí vật liệu bán hàng	-	12.206.438
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	370.605.750	928.610.346
Cộng	370.605.750	940.816.784

26. Thu nhập khác và chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Thu nhập khác	2.344.000	2.132
- Các khoản khác	2.344.000	2.132
Chi phí khác	4.644.359	152.204.052
- Thuế bị phạt, bị truy thu	-	152.204.052
- Lãi chậm nộp bảo hiểm	651.679	-
- Chi phí khác	3.992.680	-
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(2.300.359)	(152.201.920)

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.125.385.266	45.126.617.872
Chi phí nhân công	776.642.388	255.046.841
Chi phí khấu hao TSCĐ	123.449.094	176.922.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.236.810.870	4.383.074.191
Chi phí khác bằng tiền	8.298.441	377.915.830
Cộng	13.270.586.059	50.319.576.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****28. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	189.042.452	543.170.974
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	-	179.381.202
Cộng	189.042.452	722.552.176

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	945.212.261	5.170.082.359
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Phạt chậm nộp thuế và truy thu thuế	-	-
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cổ tức được chia	-	-
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của (các) kỳ	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước	945.212.261	5.170.082.359
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	945.212.261	5.170.082.359
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	189.042.452	543.170.974
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	366.185.052	2.650.285.821
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	-	179.381.202
Thuế TNDN phải nộp của hợp đồng hợp tác đầu tư	35.513.016	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(200.000.000)	(2.239.381.202)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	390.740.520	1.133.456.795

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
Tiền lương và phụ cấp	109.541.600	10.405.200
Cộng	109.541.600	10.405.200

Trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2020, công ty con, công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty, các thành viên thân cận trong gia đình của Chủ tịch HĐQT được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2020 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty TNHH Sản xuất và XNK CRC Bình Phước	Công ty con
Công ty CP Liên doanh phát triển năng lượng CRC	Công ty con
Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần CRC Power	Công ty con
Công ty cổ phần Nhật Nguyên Xanh Solar	Công ty con
Công ty cổ phần CRC Invest	Công ty con
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sunpower Group Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Hăng sơn Đông Á	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Phụ gia Bê tông Phá lại	Có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Hà Nội	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Goldstar Việt Nam	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty CP Cao su Hiệp Hưng	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	Công ty và các Cổ đông của Cty có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Bên liên quan của Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong kỳ bao gồm:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019</u>
I. Phải thu khách hàng				
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	Xuất bán sắt thép	-	1.217.930.404
		Thu tiền bán hàng	200.000.000	1.471.723.444
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Doanh thu xây lắp	10.835.524.066	-
		Thu tiền cung cấp dịch vụ	13.150.000.000	-
		Bù trừ công nợ	1.783.500.000	-
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Tạm ứng tiền mua hàng	300.000.000	-
II. Phải thu khác				
Công ty CP gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	Chi tiền cho mượn	350.000.000	462.500.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	462.500.000
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Chi tiền cho mượn	-	180.000.000
		Thu hồi tiền cho mượn	-	180.000.000
Công ty CP Phụ gia bê tông Phá Lại	Cố cùng Chủ tịch HĐQT	Chi tiền cho mượn	205.000.000	-
		Thu hồi tiền cho mượn	205.000.000	-
II. Các khoản đầu tư				
Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền đầu tư	-	12.981.226.849
		Lãi tiền gửi ủy thác	-	471.216.072
		Thu hồi lãi tiền gửi ủy thác	-	166.710.521
III. Phải trả người bán				
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	Thanh toán tiền hàng	4.580.184.113	-
Công ty CP CRC Solar Cell	Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT	Thanh toán tiền hàng	196.500.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc	Mua hàng hóa	380.000.000	-
IV. Phải trả khác				
Công ty CP Gốm sứ Haceco	Công ty liên kết	Nhận tiền cho mượn	-	1.000.000.000
		Thanh toán tiền mượn	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	Trả lại tiền, bù trừ công nợ	-	2.227.905.690

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
I. Phải thu khách hàng			
Công ty cổ phần gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con	541.176.614	741.176.614
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	-	2.090.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan: (Tiếp theo)

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
II. Người mua trả tiền trước			
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	924.423.528	-
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	BLQ của Tổng Giám đốc	300.000.000	-
III. Phải thu khác			
Công ty cổ phần gạch ngói Vinh Phúc	Công ty con	714.974.782	364.974.782
IV. Phải trả người bán			
Công ty CP CRC Solar Cell	BLQ của Chủ tịch HĐQT	-	1.980.000.000
Công ty TNHH Trường Sơn	Công ty liên kết	-	4.580.184.113
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	BLQ của Tổng Giám đốc	418.000.000	-
V. Trả trước cho người bán			
Công ty cổ phần Cao su Hiệp Hưng	BLQ của thành viên HĐQT	1.349.377.963	1.349.377.963

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Lãi suất cho vay, giá dịch vụ, hàng hóa của các bên liên quan cung cấp là giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2019 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2020

A

[Signature]



NGUYỄN THỊ THÚY ANH

Người lập

VŨ THỊ THỦY

Kế toán trưởng

ĐƯƠNG THỊ HUYỀN

Tổng Giám đốc

CPA VIETNAM

MOORE STEPHENS

INTERNATIONAL LIMITED

A member of  *Members in principal cities throughout the world*

Moore Stephens International Limited, registered in England and Wales with registered number 221527.

A list of directors names is available at the company's registered Office and principal place of business:

150 Aldersgate Street, London EC 1A 4AB, England, U.K.

Tel: +44 (0) 20 7334 9191, Fax: +44 (0) 20 7651 1637

www.moorestephens.com

CPA VIETNAM was established in Hanoi, Vietnam more than a decade ago, CPA VIETNAM is a member firm of Moore Stephens International Limited (MSIL) and managed by Moore Stephens Asia Pacific Limited (MSAP).

Head office and principal place of business: 8th floor, VG office building, No 235 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.

Tel: + 84 (24) 3 783 2121, Fax: + 84 (24) 3 783 2122

www.cpavietnam.vn